|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH AN GIANG**  Số: /2020/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *An Giang, ngày tháng năm 2020* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO**  **LẦN 1** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

KHÓA IX KỲ HỌP THỨ ........

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa ...., kỳ họp thứ ...... thông qua ngày tháng năm 2020, có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020. Các văn bản hướng dẫn liên quan đến các hoạt động hỗ trợ khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành trước Nghị quyết này không còn hiệu lực./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;  - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);  - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, TT. UBND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;  - VP.HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;  - Hiệp hội doanh nghiệp;  - Liên minh Hợp tác xã;  - Cục Thuế tỉnh; Cục thống kê tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;  - Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);  - Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;  - Báo An Giang;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về việc quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại An Giang.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động khuyến nông**

1. Xuất phát từ nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển nông nghiệp của Nhà nước.

2. Phát huy vai trò chủ động, tích cực, tự nguyện và trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khuyến nông.

3. Dân chủ, công khai, có sự giám sát của cộng đồng và sự quản lý của Nhà nước.

4. Nội dung, hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông phù hợp với từng địa bàn và nhóm đối tượng người sản xuất, cộng đồng dân tộc khác nhau.

5. Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ chuyển giao phải được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận.

6. Liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp với nông dân và giữa nông dân với nông dân.

7. Xã hội hóa hoạt động khuyến nông, đa dạng hóa dịch vụ khuyến nông để huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động khuyến nông.

8. Ưu tiên hoạt động khuyến nông ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

9. Ưu tiên phụ nữ, người dân tộc thiểu số; tổ chức có tỷ lệ cao về nữ hoặc người dân tộc thiểu số tham gia hoạt động khuyến nông.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông**

1. Ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, được tổ chức thực hiện trên cơ sở xây dựng chương trình, dự án, kế hoạch phải phù hợp:

a) Chủ trương, định hướng, chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và các sản phẩm hàng hóa trọng điểm, chủ lực của địa phương.

b) Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương; nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường.

2. Hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phương thức đề xuất hoặc giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng và phải được Ủy ban nhân dân các cấp quyết định hoặc phân cấp cho cơ quan trực thuộc giao nhiệm vụ cho tổ chức khuyến nông địa phương thực hiện.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí ngân sách Tỉnh để thực hiện hoạt động khuyến nông phải thực hiện công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách Tỉnh cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp phải thực hiện theo đúng định mức quy định; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

**Điều 5. Mức chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo**

1. Chi thù lao giảng viên; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang (sau đây gọi là 4 Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND). Chi thù lao trợ giảng, hướng dẫn viên hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật 200.000 đồng/người/ngày.

2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ. Mức chi theo thực tế đảm bảo hóa đơn, chứng từ theo quy định.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp:

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Hỗ trợ 100% chi phí thuê chỗ ở cho học viên theo quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị Quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi là Nghị Quyết số 27/2017/NQ-HĐND).

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn, chi phí thuê chỗ ở theo mức quy định tại khoản 3 Điều 2 và khoản 4 Điều 3 Nghị Quyết số 27/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại tính theo thực tế (lượt đi và về) 1.000 đồng/km tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên, trường hợp dưới 15 km tính theo thực tế (lượt đi và về) 1.000 đồng/km.

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo mức hỗ trợ như đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

+ Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), Hỗ trợ chi phí thuê chỗ ở, tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyên nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

4. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

- Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Điều 2 Nghị Quyết số 27/2017/NQ-HĐND. Riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

**Điều 6. Mức chi thông tin tuyên truyền**

Chi phí cho tác phẩm đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm: Loại I: Tác phẩm phải mang tính thời sự cao; phát hiện vấn đề; có tác động tích cực đến dư luận xã hội; thực hiện trong điều kiện khó khăn; tốn nhiều thời gian. Loại II: Tác phẩm phải phản ánh kịp thời sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân Tỉnh; tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh và các vấn đề mang tính thời sự. Loại III: Tác phẩm phải đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

1. Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh An Giang:

a) Nhuận bút trả cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả:

- Tin viết: mức chi Loại I: 80.000 đồng; Loại II: 70.000 đồng; Loại III: 60.000 đồng.

- Trả lời bạn đọc: mức chi Loại I: 80.000 đồng; Loại II: 60.000 đồng; Loại III: 40.000 đồng.

- Bài viết: Chính luận, Ký, Phóng sự; Bài phỏng vấn, tổng hợp, phân tích; Nghiên cứu: mức chi Loại I: 300.000 đồng; Loại II: 200.000 đồng; Loại III: 150.000 đồng.

- Bài phỏng vấn, bài viết theo đặt hàng của Ban Biên tập; Video clip thực hiện theo đặt hàng của Ban Biên tập: mức chi Loại I: 400.000 đồng; Loại II: 300.000 đồng; Loại III: 200.000 đồng.

- Ảnh: mức chi Loại I: 50.000 đồng; Loại II: 30.000 đồng; Loại III: 20.000 đồng.

- Ảnh thiết kế, ảnh nghệ thuật: mức chi Loại I: 150.000 đồng; Loại II: 100.000 đồng; Loại III: 80.000 đồng.

- Trả lời chính sách trực tuyến: mức chi Loại I: 70.000 đồng; Loại II: 50.000 đồng; Loại III: 30.000 đồng.

- Video clip thực hiện theo đặt hàng của Ban Biên tập: mức chi Loại I: 400.000 đồng; Loại II: 300.000 đồng; Loại III: 200.000 đồng.

- Infographic: mức chi Loại I: 500.000 đồng; Loại II: 400.000 đồng; Loại III: 300.000 đồng.

b) Thù lao trả cho người sưu tầm, người cung cấp văn bản và bản dịch của những văn bản đó; tin tức thời sự thuần túy đưa tin, tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian,...

- Tin, bài sưu tầm: mức chi Loại I: 30.000 đồng; Loại II: 20.000 đồng; Loại III: 10.000 đồng.

- Tin tổng hợp: mức chi Loại I: 60.000 đồng; Loại II: 50.000 đồng; Loại III: 40.000 đồng.

- Tin viết: mức chi Loại I: 50.000 đồng; Loại II: 40.000 đồng; Loại III: 30.000 đồng.

- Bài viết ngắn: mức chi Loại I: 100.000 đồng; Loại II: 80.000 đồng; Loại III: 60.000 đồng.

- Tin dịch xuôi từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: mức chi Loại I: 50.000 đồng; Loại II: 40.000 đồng; Loại III: 30.000 đồng.

- Tin ảnh: mức chi Loại I: 40.000 đồng; Loại II: 30.000 đồng; Loại III: 20.000 đồng.

- Bài viết tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phỏng vấn; Tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian: mức chi Loại I: 150.000 đồng; Loại II: 120.000 đồng; Loại III: 100.000 đồng.

- Bài dịch xuôi từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt; Tin dịch ngược sang tiếng nước ngoài: mức chi Loại I: 80.000 đồng; Loại II: 70.000 đồng; Loại III: 50.000 đồng.

- Bài dịch ngược sang tiếng nước ngoài: mức chi Loại I: 120.000 đồng; Loại II: 100.000 đồng; Loại III: 80.000 đồng.

- Video clip sưu tầm: mức chi Loại I: 100.000 đồng; Loại II: 50.000 đồng.

c) Chi xây dựng phim tài liệu, tư liệu, tin bằng hình ảnh video: tối đa 15 triệu đồng/phim, clip thời lượng 10-15 phút bao gồm:

- Chi phí ăn, ở, đi lại, công tác phí theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

- Đạo diễn, xây dựng kịch bản: hỗ trợ 2,0 hệ số đơn giá/phim, clip (Hệ số đơn giá là hệ số lương cơ bản hiện hành)

- Quay phim: mức chi 1,4 hệ số đơn giá/phim, clip

- Thù lao người được phỏng vấn: mức chi 0,2 hệ số đơn giá/ người/lần, tối đa 5 người/phim, clip.

- Kỹ thuật dựng, lồng tiếng, hiệu ứng: mức chi 0,5 hệ số đơn giá/người

- Vật tư, mẫu vật, đạo cụ hỗ trợ theo thực tế.

d) Chi xây dựng băng đĩa hình cho các chuyên mục, chuyên đề thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và phục vụ đào tạo

- Khoa học kỹ thuật mới: Thời lượng: 30 phút/chuyên đề, đạt tiêu chuẩn phát sóng trên Hệ truyền hình; Phát sóng trên phạm vi toàn quốc.

+ Phóng sự tài liệu chính luận (loại I): 63.600.000 đồng

+ Phóng sự tài liệu chính luận (loại II): 53.500.000 đồng

- Tọa đàm, hỏi đáp: phóng sự tài liệu chính luận (loại II) 34.750.000 đồng. Thời lượng 30 phút/chuyên đề, đạt tiêu chuẩn phát sóng trên Hệ truyền hình, phát sóng trên phạm vi toàn quốc.

- Gương mặt điển hình giới thiệu các mô hình tiên tiến, sản xuất kinh doanh giỏi, thoát nghèo vượt khó: Thể loại phim phóng sự chân dung (loại I): 22.750.000 đồng. Thời lượng 15 phút/chuyên đề, đạt tiêu chuẩn phát sóng trên Hệ truyền hình, phát sóng trên phạm vi toàn quốc.

- Chuyên mục Khuyến nông: tạp chí tư vấn (chuyên đề) 1/2 của loại I máy lẻ: 15.100.000 đồng. Thời lượng 15 phút/chuyên đề, đạt tiêu chuẩn phát sóng trên Hệ truyền hình, phát sóng trên phạm vi toàn quốc

- Hướng dẫn, tư vấn từ quản lý đến sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ: Tạp chí tư vấn (chuyên đề) 1/6 của loại I máy lẻ: 7.930.000 đồng. Thời lượng 05 phút/chuyên đề, đạt tiêu chuẩn phát sóng trên Hệ truyền hình, phát sóng trên phạm vi toàn quốc.

- Chuyên đề, chuyên mục đặc thù khác: Phóng sự tài liệu chính luận loại I được phát sóng trên phạm vi toàn quốc do cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung, thời lượng và dự toán.

e) Chế độ chi thù lao cho Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh:

- Trưởng Ban Biên tập: 800.000 đồng/người/tháng.

- Phó trưởng Ban Biên tập: 600.000 đồng/người/tháng.

- Biên tập viên: 400.000 đồng/người/tháng.

- Chuyên viên Tổ giúp việc: 100.000 đồng/người/tháng.

2. Chi tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Chi Diễn đàn khuyến nông, nông nghiệp:

- Thuê hội trường, trang trí khánh tiết, thiết bị, bảng biểu, văn phòng phẩm: chi theo thực tế tối đa không quá 15.000.000 đồng/sự kiện

- Báo cáo viên trình bày báo cáo tại sự kiện: Mức chi 300.000 đồng/người, tối đa 05 báo cáo viên/sự kiện.

- Tiền bồi dưỡng viết báo cáo chuyên đề phục vụ diễn đàn: Mức chi 500.000 đồng/báo cáo, tối đa 20 báo cáo/sự kiện.

- Thù lao Ban Tổ chức, Đoàn Chủ tọa, Ban Cố vấn, đại biểu khách mời, thư ký:

+ Đoàn Chủ tọa: 1.000.000 đồng/người, tối đa 05 người/sự kiện.

+ Ban Cố vấn khoa học: 500.000 đồng/người, tối đa 10 người/sự kiện.

+ Đại biểu khách mời (Viện, Trường, doanh nghiệp, Ban, ngành, ...): 200.000 đồng/người, tối đa 50 người/sự kiện.

+ Chi Khảo sát xác định địa bàn (đi lại, công tác phí); chi phí đi lại, tiền ngủ cho Đoàn Chủ tịch, Ban Tổ chức, Ban Cố vấn,…: mức chi theo Điều 2 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND.

- Giải khát giữa giờ: mức chi theo Điều 3 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND.

- Thư ký: 300.000 đồng/người, tối đa 03 người/sự kiện.

- Hỗ trợ đưa nông dân tham dự diễn đàn (tiền xe, tiền ngủ, nước uống, tiền ăn) bao gồm cả tham quan mô hình (nếu có): theo thực tế và theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND.

- In ấn tài liệu: Theo chế độ hiện hành, tối đa không quá 15.000.000 đồng/sự kiện. Kỷ yếu: Tối đa 400 trang/sự kiện. Video Clip: Tối đa 15 phút.

- Tiền công phục vụ: 200.000 đồng/công, tối đa 10 công/sự kiện.

- Chi tham quan mô hình: 1.000.000 đồng/điểm, hỗ trợ tối đa 02 điểm tham quan/sự kiện.

b) Chi Tọa đàm khuyến nông, nông nghiệp

Chi bồi dưỡng người chủ trì, diễn giả, thư ký: áp dụng không quá mức chi theo quy định tại định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

Chi hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước; Nước giải khát giữa giờ; Các khoản chi phí thuê mướn khác (thuê hội trường, in photo tài liệu, công phục vụ,...): áp dụng theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Chi Tham quan học tập mô hình khuyến nông, nông nghiệp:

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: đối với nơi tổ chức tại ngoài tỉnh, nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh, tại các huyện thị xã thuộc tỉnh mức chi 150.000 đồng/người/ngày. Tổ chức tại các xã phường thị trấn mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

- Chi hỗ trợ tiền xe: Theo thực tế, nhưng không quá 20.000.000 đồng/chuyến (đi và về).

- Chi tiền ngủ, nước giải khát: áp theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

- Chi bồi dưỡng chủ hộ nơi đến tham quan: hỗ trợ 300.000 đồng/hộ, tối đa 10 hộ/01 chuyến tham quan.

3. Chi Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng.

- Chi bồi dưỡng, công tác phí cho báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại sự kiện: áp dụng theo khoản1 Điều 5 Nghị quyết này.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nước giải khát giữa giờ: áp dụng mức chi theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

- Thuê hội trường, máy chiếu, thiết bị phục vụ hội nghị: Theo thực tế, nhưng không quá 5.000.000 đồng/ngày.

- Chi in ấn tài liệu, trang trí theo thực tế có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

- Chi phục vụ trực tiếp hội nghị, sơ kết, tổng kết: Không quá 5% trên tổng số kinh phí hội nghị

4. Tổ chức hội chợ, phiên chợ triển lãm hàng nông nghiệp:

a) Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng theo thực tế và quy mô hoạt động tối đa không quá 12.000.000 đồng/gian hàng.

b) Hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển, thuê thiết bị, mua mẫu vật và sản phẩm trung bày theo thực tế và quy mô hoạt động.

c) Hỗ trợ 100% thiết kế in ấn, trang trí, dàn dựng, lắp đặt gian hàng: chi theo thực tế và quy mô hoạt động.

d) Chi hoạt động của Ban tổ chức bao gồm: phụ cấp lưu trú, tiền ngủ, công tác phí; Tổ chức cho nông dân tham gia hội thảo, tham quan; Khảo sát, kiểm tra, nghiệm thu: áp dụng mức chi tại Điều 2, Điều 3 theo quy định củaNghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

5. Chi Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông:

- Thông tin, tuyên truyền (Đăng tin trên báo, đài, website, banrol, cờ phướng,…) chi theo thực tế và quy mô hội thi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán tối đa không quá 15.000.000 đồng/hội thi.

- Chi thuê hội trường, trang trí, khánh tiết, thiết bị, âm thanh, dẫn chương trình theo thực tế và chế độ hiện hành tối đa không quá 20.000.000 đồng/hội thi.

- Chi nước giải khát giữa giờ: áp dụng mức chi theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

- Bồi dưỡng Ban Giám khảo, Hội đồng tư vấn khoa học, Ban Thư ký:

+ Trưởng ban Giám khảo: 1.000.000 đồng/người tối đa không quá 01 người/hội thi;

+ Phó Trưởng ban Giám khảo: 800.000 đồng/người tối đa không quá 02 người/hội thi;

+ Thành viên Giám khảo: 500.000 đồng/người tối đa không quá 05 người/hội thi;

+ Hội đồng tư vấn khoa học: 300.000 đồng/người tối đa không quá 10 người/hội thi;

+ Ban Thư ký: 300.000 đồng/người tối đa 3 người/hội thi;

+ Tiền ngủ, đi lại mức chi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND.

- Thù lao biên soạn câu hỏi, đáp án, thể lệ và quy chế hội thi:

+ Câu hỏi, đáp án: Tối đa 30.000 đồng/câu hỏi được chọn đưa vào bộ đề thi;

+ Thể lệ, quy chế: Tối đa 500.000 đồng/hội thi;

- Tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định, triển khai quy chế thể lệ,... mức chi theo Điều 3 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND tối đa không quá 03 lần/ hội thi.

- Hỗ trợ đội tuyển tập luyện và tham gia dự thi: Tiền ngủ, tiền ăn, nước uống, đi lại áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND tối đa 75.000.000 đồng/hội thi.

- Hỗ trợ Huấn luyện đội thi mức chi theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND.

- Thuê đạo diễn, biên kịch, dàn dựng chương trình: Quy mô cấp Quốc gia hỗ trợ tối đa 20.000.000 đồng/hội thi. Quy mô cấp vùng tối đa 10.000.000 đồng/hội thi

- Thuê địa điểm tập luyện: Theo thực tế

- Thuê trang phục, đạo cụ, âm thanh: theo thực tế hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/hội thi.

- Khen thưởng: Theo thực tế và chế độ hiện hành

- Tiền công phục vụ, quản lý: hỗ trợ 200.000 đồng/công, tối đa 30 công/hội thi.

**Điều 7. Chi Xây dựng và nhân rộng mô hình**

1. Đối với xây dựng mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ, bao gồm chính sách:

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình

Quy mô các mô hình trình diễn (không phân biệt các địa bàn): trồng trọt tối đa không quá 50 ha/mô hình; gia cầm tối đa không quá 1.000 con/mô hình; gia súc (heo, dê, trâu, bò) quy mô tối đa không quá 10 con/mô hình; thủy sản quy mô tối đa không quá 01 ha/mô hình.

b) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức tiền lương cơ sở/ 22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

c) Chi tập huấn kỹ thuật cho người tham gia mô hình, hội thảo tổng kết đánh giá mô hình: áp dụng mức chi quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

2. Đối với xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao: hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình đối với tất cả các địa bàn.

3. Đối với xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình đối với tất cả các địa bàn.

4. Đối với chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành: hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận.

5. Đối với nhân rộng mô hình: hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức:

a) Đào tạo, tập huấn: áp dụng mức chi quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

b) Thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình: áp dụng mức chi quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này

**Điều 8. Nội dung chi khác**

1. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

- Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thế theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

**Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt cho đến khi kết thúc.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Các mức chi trên là mức chi tối đa, làm căn cứ để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết này để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí.

2. Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này thực hiện đến hết năm 2020. Từ năm 2021 trở đi thực hiện theo quy định chung về chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

4. Những nội dung khác không quy định tại văn bản này được thực hiện theo Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH** |